Chi tiết mã HS 5202.91.00

Mã HS	5202.91.00
Mô tả hàng hóa	Phế liệu bông (kể cả phế liệu sợi và bông tái chế) / - Loại khác: / - - Bông tái chế
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 22:55:01
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/52029100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K8043
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N8043
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q8043
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	5,5	5,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7638
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7591
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7591
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7591
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7591
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7591
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7591
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7641
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7641

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7641
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7641
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7641
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7641
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7642
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7642
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7642
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7642
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7642
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7642
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7643
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7597
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F7605
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G7605
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H7605
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I7605
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J7605
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K7605
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7627
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7627
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7627
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7627
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7627
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7627
VCFTA	2022	2022	2	VC!D7673
VCFTA	2023	2023	1	VC!E7673

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7673
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7673
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7673
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7673
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7653
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7653
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7653
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7653
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7653
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7653
AHKFTA	2022	2022	6	AKH!D7666
AHKFTA	2023	2023	4	AKH!E7666
AHKFTA	2024	2024	4	AKH!F7666
AHKFTA	2025	2025	2	AKH!G7666
AHKFTA	2026	2026	2	AKH!H7666
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7666
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7670
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7670
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7670
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7670
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7670
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7670
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7671
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7671
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7671
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7671

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7671
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7671
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7621
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7621
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7621
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7621
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7621
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7621
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7621
RCEP A	2022	2022	9	RCEPT-A!D7658
RCEP A	2023	2023	8	RCEPT-A!E7658
RCEP A	2024	2024	7	RCEPT-A!F7658
RCEP A	2025	2025	6	RCEPT-A!G7658
RCEP A	2026	2026	5	RCEPT-A!H7658
RCEP A	2027	2027	4	RCEPT-A!I7658
RCEP B	2022	2022	9	B!D7658
RCEP B	2023	2023	8	B!E7658
RCEP B	2024	2024	7	B!F7658
RCEP B	2025	2025	6	B!G7658
RCEP B	2026	2026	5	B!H7658
RCEP B	2027	2027	4	B!I7658
RCEP C	2022	2022	9	C!D7658
RCEP C	2023	2023	8	C!E7658
RCEP C	2024	2024	7	C!F7658
RCEP C	2025	2025	6	C!G7658
RCEP C	2026	2026	5	C!H7658

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	4	C!I7658
RCEP D	2022	2022	9,1	D!D7658
RCEP D	2023	2023	8,2	D!E7658
RCEP D	2024	2024	7,3	D!F7658
RCEP D	2025	2025	6,4	D!G7658
RCEP D	2026	2026	5,5	D!H7658
RCEP D	2027	2027	4,5	D!I7658
RCEP E	2022	2022	9	E!D7661
RCEP E	2023	2023	8	E!E7661
RCEP E	2024	2024	7	E!F7661
RCEP E	2025	2025	6	E!G7661
RCEP E	2026	2026	5	E!H7661
RCEP E	2027	2027	4	E!I7661
RCEP F	2022	2022	9	F!D7658
RCEP F	2023	2023	8	F!E7658
RCEP F	2024	2024	7	F!F7658
RCEP F	2025	2025	6	F!G7658
RCEP F	2026	2026	5	F!H7658
RCEP F	2027	2027	4	F!I7658
VIFTA	2024	2024	9	VI!F7068
VIFTA	2025	2025	8	VI!G7068
VIFTA	2026	2026	7	VI!H7068
VIFTA	2027	2027	6	VI!I7068

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Kiểm dịch thực vật (01/2024/TT-BNNPTNT M9)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5202.91.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 5202.91.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N8043), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)
Kiểm dịch thực vật (01/2024/TT-BNNPTNT M9)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.